

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-9-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mai Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Viết Thắng và ông Phạm Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2022/TLST-HNGĐ ngày 28-7-2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-8-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15-9-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Hà Thị Hồng M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 7A, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-7-2022 và bản tự khai nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Hà Thị Hồng M trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 22-12-2017. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9-2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã về kinh tế gia đình, chị M thường xuyên tự ý sử dụng tiền tích cóp của vợ chồng để tiêu sài, anh đã khuyên bảo chị M nhiều lần nhưng chị M không thay đổi. Mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Anh T xác định anh chị đã không còn sống chung từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Hà Thị Hồng M không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị Hồng M.

Về con chung: Anh và chị Hà Thị Hồng M không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và giao nhận, tổng đạt các văn bản hợp lệ cho chị Hà Thị Hồng M thông qua ông Hoàng Trọng Kh (là trưởng thôn Thôn 7A, xã V, huyện T) nhưng chị M vẫn vắng mặt, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của chị Hà Thị Hồng M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Hoàng Văn T có đơn xin ly hôn với chị Hà Thị Hồng M, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn 7A, xã Việt Cường, huyện T, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn chị Hà Thị Hồng M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.3] Về thủ tục hoà giải: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, giao nhận, tổng đạt các văn bản hợp lệ cho chị Hà Thị Hồng M nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa án. Căn cứ vào Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được nên Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hoà giải theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Hà Thị Hồng M kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 22-12-2017 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Theo anh Hoàng Văn T, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã về kinh tế, chị Hà Thị Hồng M thường xuyên tự ý sử dụng tiền tích góp của vợ chồng để tiêu sài, anh đã khuyên bảo chị nhiều lần nhưng chị không thay đổi. Anh chị cũng đã không còn sống chung từ năm 2019 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng giữa anh chị vẫn không cải thiện được. Đến nay, anh Hoàng Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Hà Thị Hồng M. Chị Hà Thị Hồng M đã được Tòa

án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hoà giải nhưng chị Hà Thị Hồng M đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, chị Hà Thị Hồng M đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng của mình. Dẫn đến hôn nhân giữa anh Hoàng Văn T và chị Hà Thị Hồng M ngày càng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho anh Hoàng Văn T ly hôn chị Hà Thị Hồng M theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Anh Hoàng Văn T xác định anh và chị Hà Thị Hồng M không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Hà Thị Hồng M vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Hà Thị Hồng M.

2. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001941 ngày 28-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã B, h. B;
- Lưu HS, TA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Mai Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Viết Thắng Phạm Thanh Sơn

Phạm Mai Hằng

